

Đề tài 1 : Các nguyên tắc tổ chức chi ngân sách nhà nước ;liên hệ việc triển khai các nguyên tắc này ở Việt Nam trong giai đoạn gần đây .

A.Tóm tắt.

I. Phần mở đầu

- Giới thiệu về ngân sách nhà nước.
- Chi ngân sách nhà nước.

II. Nội dung chính

1.Các nguyên tắc tổ chức chi ngân sách nhà nước : 6 nguyên tắc

- Dựa trên khả năng các nguồn thu
- Tiết kiệm và hiệu quả
- Trọng tâm , trọng điểm
- Nhà nước và nhân dân cùng làm
- Bố trí các khoản chi thích hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp.
- Kết hợp chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước với các yếu tố khác trong nền kinh tế vĩ mô : lãi suất , tỷ giá hối đoái

2. Việc triển khai các nguyên tắc chi ngân sách nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn gần đây.

- Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm 2008:
- Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2009:

III. Kết luận.

B. Nội dung chi tiết.

I. Phần mở đầu.

Như chúng ta đã biết, sự ra đời và tồn tại của nhà nước và sự xuất hiện của nhà sản xuất hàng hóa bao giờ cũng gắn liền với sự ra đời và tồn tại của ngân sách nhà nước. Đó là hệ thống các mối quan hệ kinh tế phát sinh giữa nhà nước và các chủ thể khác trong nền kinh tế thông qua quá trình hình thành, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung quan trọng nhất của nhà nước nhằm đáp ứng cho việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ của nhà nước về mọi mặt.

Ngân sách nhà nước cũng đã trở thành công cụ quan trọng nhất được nhà nước sử dụng để khắc phục những khuyết tật của nền kinh tế thị trường, huy động nguồn tài chính, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, cũng như điều tiết thu nhập nhằm đảm bảo công bằng xã hội. Những việc đó được thực hiện thông qua hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước. Thu để định hướng đầu tư, kích thích hoặc hạn chế sản xuất, kinh doanh... chi để nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, nâng cao đời sống nhân dân... Tuy nhiên trong điều kiện ngân sách nhà nước còn eo hẹp, thì việc chi ngân sách thế nào cho hiệu quả và tiết kiệm, tránh được tình trạng thất thoát, thâm hụt luôn là vấn đề được đặt ra.

1. Khái niệm, vai trò của ngân sách nhà nước:

a. Khái niệm: Ngân sách nhà nước là hệ thống các mối quan hệ kinh tế phát sinh giữa Nhà nước và các chủ thể khác trong nền kinh tế thông qua quá trình hình thành, phân phối và sử dụng quỹ tiền tệ tập trung quan trọng nhất của nhà nước nhằm đáp ứng cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước về mọi mặt.

b. Vai trò của ngân sách nhà nước:

- Ngân sách nhà nước là công cụ huy động nguồn lực tài chính đảm bảo cho nhu cầu chi tiêu của nhà nước. Những công cụ thường gặp như: thuế, lệ phí, viện trợ không hoàn lại, thanh lý tài sản công...

- Ngân sách nhà nước là công cụ để điều tiết vĩ mô nền kinh tế

Đặc điểm nổi bật của nền kinh tế thị trường là sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nhằm đạt được lợi nhuận tối đa, các yếu tố cơ bản của thị trường như cung cầu, giá cả thường xuyên tác động lẫn nhau và chi phối hoạt động của thị trường, thị trường sẽ có nhiều sự bất ổn do sự mất cân đối của cung cầu. Do vậy ngân sách nhà nước sẽ giúp bình ổn thị trường, điều tiết giá cả cũng như kiềm chế lạm phát. Hay ngân sách nhà nước cũng là công cụ giúp định hướng, hình thành cơ cấu kinh tế mới, kích thích phát triển sản xuất, kinh doanh và chống độc quyền.

- Ngân sách nhà nước là công cụ điều tiết thu nhập giữa các thành phần kinh tế và các tầng lớp dân cư nhằm đảm bảo công bằng cho xã hội.

Các vai trò trên của ngân sách nhà nước cho thấy tính chất quan trọng của ngân sách nhà nước với các công cụ của nó có thể quản lý toàn diện và có hiệu quả đối với toàn bộ nền kinh tế.

2. Chi ngân sách nhà nước:

a. Khái niệm:

Chi ngân sách nhà nước là hệ thống các mối quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình phân phối và sử dụng quỹ ngân sách nhà nước nhằm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ mà nhà nước đảm nhận theo những nguyên tắc nhất định

b. Vai trò:

Chi ngân sách nhà nước có vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của quốc gia. Đặc biệt trong bối cảnh hiện nay ở nước ta, nhiều vấn đề kinh tế xã hội của đất nước đang đặt ra thách thức đối với các khoản chi ngân sách một cách tùy tiện, ngẫu hứng, thiếu sự phân tích hoàn cảnh cụ thể sẽ có ảnh hưởng xấu đến quá trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

II. Nội dung chính.

1. Các nguyên tắc tổ chức chi ngân sách nhà nước :

a. Nguyên tắc thứ nhất: Dựa trên khả năng các nguồn thu để hoạch định chi tiêu.

Theo nguyên tắc này thì mức độ chi và cơ cấu các khoản chi phải được hoạch định dựa trên cơ sở các nguồn thu. Nếu nguồn thu hạn hẹp thì chi ngân sách phải cắt giảm.

Nếu vi phạm nguyên tắc này thì sẽ dẫn đến tình trạng bội chi ngân sách quá lớn và sẽ dẫn đến khả năng bùng nổ lạm phát về kinh tế.

Điều 34, luật của quốc hội nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về ngân sách nhà nước cũng đã quy định:

"1. Căn cứ vào m kinh tế, địa lý, dân cư của từng vùng và trình độ quản lý của địa phương;

b) Trong các nguồn thu của ngân nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương , Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách của chính quyền địa phương theo nguyên tắc:

a) Phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm sách xã, thị trấn, ngân sách xã, thị trấn được hưởng tối thiểu 70% các khoản thu thuế chuyển quyền sử dụng đất; thuế nhà, đất; thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh; thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình; lệ phí trước bạ nhà, đất;

c) Trong các nguồn thu của ngân sách thị xã, thành phố thuộc tỉnh, ngân sách thị xã, thành phố thuộc tỉnh được hưởng tối thiểu 50% khoản thu lệ phí trước bạ, không kể lệ phí trước bạ nhà, đất;

d) Trong phân cấp nhiệm vụ chi đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông quốc lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

2. Căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu do Thủ tướng Chính phủ giao và các nguồn thu ngân sách địa phương hưởng 100%, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương."

Nếu thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ tránh được tình trạng bội thu hoặc bội chi ngân sách nhà nước, giúp nền kinh tế phát triển tốt hơn.

b. Nguyên tắc thứ 2: Tiết kiệm và hiệu quả.



Nguyên tắc này đòi hỏi các tổ chức, các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hay nguồn vốn của ngân sách nhà nước cấp phát phải nâng cao tinh thần trách nhiệm sử dụng một cách có hiệu quả và tiết kiệm nhất. Các cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm đề ra những biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách được giao, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham ô; chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật tài chính. Mọi tổ chức, cá nhân phải chấp hành nghĩa vụ nộp ngân sách theo đúng quy định của pháp luật; sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, có hiệu quả. Thực hiện chi tiêu trong dự toán được giao, cắt giảm những khoản chi mua sắm chưa cần thiết, các khoản chi tiếp khách, hội nghị, tổ chức lễ hội; triệt để tiết kiệm năng lượng, phương

tiện. Có một thời gian khá dài, nước ta đã có quan điểm chi với bất cứ giá nào, gây nên tình trạng lãng phí, kém hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn vốn, các khoản chi của ngân sách nhà nước, đặc biệt các khoản chi cho xây dựng cơ bản. Đó chính là lý do cần phải quán triệt nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả trong chi ngân sách nhà nước. Quán triệt nguyên tắc này trong việc bố trí các khoản chi của ngân sách nhà nước cần phải dựa trên các định mức chi có tính tích cực có căn cứ khoa học và thực tiễn, tổ chức các khoản chi theo các chương trình có mục tiêu. Khi phê duyệt hạn mức kinh phí phải xem xét kỹ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức, đơn vị sử dụng kinh phí ngân sách. Cũng cần thực hiện chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những khoản chi sai chế độ, thất thoát lãng phí ở đơn vị được giao phụ trách. Thực hiện chế độ công bố công khai ngân sách nhà nước các cấp, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn đóng góp của nhân dân để tăng cường giám sát của các đoàn thể xã hội, người lao động và nhân dân. Thực hiện rà soát các thủ tục hành chính, quy định rõ thủ tục, quy trình, thời gian thực hiện và chế độ trách nhiệm của từng bộ phận cán bộ trong việc thực hiện thu, chi ngân sách, hoàn thuế. Các cơ quan tài chính, thuế, hải quan tiếp tục định kỳ tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp để kịp thời phát hiện, giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

Đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc này sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển, tránh thất thoát nguồn ngân sách, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế, chính trị...

c. Nguyên tắc thứ 3: Trọng tâm trọng điểm.

Nguyên tắc này đòi hỏi việc phân bổ các khoản chi ngân sách phải căn cứ và ưu tiên các chương trình trọng điểm của nhà nước, tránh tình trạng đầu tư tràn lan mà phải đầu tư giải quyết dứt điểm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của nhà nước hoạch định trong thời kỳ đó. Cần xác định rõ xem đâu là mục tiêu quan trọng nhất, là vấn đề cần quan tâm hàng đầu để giải quyết trước, hơn nữa phải sử dụng hiệu quả nguồn vốn do nhà nước cấp phát, cũng như các khoản đầu tư để giải quyết tốt vấn đề đó. Bố trí chi đầu tư phát triển phải bảo đảm tập trung, trong đó chú ý tập trung vốn cho các dự án, công trình trọng điểm quốc gia, các chương trình ưu tiên phát triển kinh tế-xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia; tiếp tục ưu tiên bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Xây dựng dự toán chi phát triển sự nghiệp giáo dục-đào tạo, văn hóa thông tin, y tế, môi trường, khoa học-công nghệ, xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính nhà nước, hoạt động của Đảng, các đoàn thể theo đúng chính sách, chế độ, định mức hiện hành và theo đúng các Nghị quyết của Đảng, của Quốc hội. Các địa phương cần ưu tiên bố trí các nhiệm vụ chi theo định hướng chung, tập trung nguồn lực bảo đảm các lĩnh vực chi giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, sự nghiệp môi trường theo các nghị quyết của Đảng, Quốc hội và Chính phủ.

Có thực hiện được đúng nguyên tắc này thì mới đảm bảo được tính mục đích và khả năng tiết kiệm các khoản chi của ngân sách, phát huy được thế mạnh tiềm năng của đất nước.

d. Nguyên tắc thứ 4: Nhà nước và nhân dân cùng làm trong việc bố trí các khoản chi của ngân sách nhà nước, nhất là các khoản chi mang tính chất phúc lợi xã hội.

Nguyên tắc này đòi hỏi người nghèo, trẻ em, người có công, gia đình chính sách, tạo điều kiện cho mọi người dân hỏi khi quyết định các khoản chi ngân sách cho 1 lĩnh vực nhất định cần phải cân nhắc khả năng huy động các nguồn vốn khác để giảm nhẹ gánh nặng cho ngân sách nhà nước như huy động các nguồn tài trợ, sự ủng hộ trong dân với các vấn đề xã hội như thiên tai, bão lụt, giải quyết hậu quả chiến tranh... Cũng cần huy động các nguồn vốn từ dân cho các vấn đề như chống ô nhiễm môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Cần đổi mới phương thức chi ngân sách cho lĩnh vực sự nghiệp, ngân sách nhà nước bảo đảm chi cho các được tiếp cận với các dịch vụ công, nhất là dịch vụ thiết yếu. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa, kêu gọi, thu hút các thành phần kinh tế, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư cung ứng dịch vụ công nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập kinh tế thế giới. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành các chính sách an sinh xã hội theo hướng tăng mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương sao cho phù hợp hơn với tình hình thực tế và khả năng của ngân sách nhà nước.

Quản trị nguyên tắc này không những giảm nhẹ các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước mà còn nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi công dân trong xã hội, đảm bảo được yêu cầu kiểm soát của quần chúng trong chi tiêu của ngân sách nhà nước.

e. Nguyên tắc thứ 5: Phân biệt rõ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các cấp theo luật pháp để bố trí các khoản chi cho thích hợp.

Trong từng giai đoạn, thời kỳ, đều có những nhiệm vụ khác nhau về phát triển kinh tế xã hội. Những nhiệm vụ đó rất cần có những khoản chi của ngân sách nhà nước để thực hiện được. Và để thực hiện có hiệu quả cần bố trí các khoản chi thích hợp dựa nhiệm vụ của các cấp, ban ngành theo luật định. Điều 31,33 , luật của quốc hội nước công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 01/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 về ngân sách nhà nước cũng đã quy định:

** Điều 31*

Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương gồm:

1. Chi đầu tư phát triển:

- a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do trung ương quản lý;*
- b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước; góp vốn cổ phần, liên doanh vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực cần thiết có sự tham gia của Nhà nước;*
- c) Chi bổ sung dự trữ nhà nước;*

- d) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;
2. Chi thường xuyên:
- a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hoá thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp khác do các cơ quan trung ương quản lý;
- b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan trung ương quản lý;
- c) Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, không kể phần giao cho địa phương;
- d) Hoạt động của các cơ quan trung ương của Nhà nước, Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;
- đ) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;
- e) Các chương trình quốc gia do trung ương thực hiện;
- g) Hỗ trợ quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của Chính phủ;
- h) Trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội do trung ương đảm nhận;
- i) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở trung ương theo quy định của pháp luật;
- k) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;
3. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền do Chính phủ vay;
4. Chi viện trợ;
5. Chi cho vay theo quy định của pháp luật;
6. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của trung ương;
7. Chi bổ sung cho ngân sách địa phương.

* Điều 33:

Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương gồm:

1. Chi đầu tư phát triển:
- a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do địa phương quản lý;
- b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;
2. Chi thường xuyên:
- a) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế, giáo dục và đào tạo, y tế, xã hội, văn hoá thông tin văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp khác do địa phương quản lý;
- b) Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội (phần giao cho địa phương);
- c) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương;
- d) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở địa phương theo quy định của pháp luật;
- đ) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;
- e) Chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương quản lý;
- g) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;
- h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;
3. Chi trả nợ gốc và lãi các khoản tiền huy động cho đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật này;
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh;
5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới."

Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ - Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật Ngân sách Nhà nước cũng quy định

* Điều 5:

2. Quan hệ giữa ngân sách các cấp thực hiện theo các nguyên tắc sau :

a) Thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp và bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để bảo đảm công bằng và phát triển cân đối giữa các vùng, các địa phương. Số bổ sung từ ngân sách cấp trên là khoản thu của ngân sách cấp dưới;

b) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này, được ổn định từ 3 đến 5 năm (gọi chung là thời kỳ ổn định ngân sách). Chính phủ trình Quốc hội quyết định thời kỳ ổn định ngân sách giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định thời kỳ ổn định ngân sách giữa các cấp ở địa phương;

c) Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; Trường hợp cần ban hành chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách sau khi dự toán đã được cấp có thẩm quyền quyết định thì phải có giải pháp bảo đảm nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp;

d) Trong thời kỳ ổn định ngân sách, các địa phương được sử dụng nguồn tăng thu ngân sách hàng năm (phần ngân sách địa phương được hưởng) để chi cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; sau mỗi thời kỳ ổn định ngân sách, phải tăng khả năng tự cân đối, phát triển ngân sách địa phương, thực hiện giảm dần số bổ sung từ ngân sách cấp trên (đối với địa phương nhận bổ sung từ ngân sách cấp trên) hoặc tăng tỷ lệ phần trăm (%) điều tiết số thu nộp về ngân sách cấp trên (đối với những địa phương có điều tiết về ngân sách cấp trên);

đ) Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước cấp trên ủy quyền cho cơ quan quản lý nhà nước cấp dưới thực hiện nhiệm vụ chi của mình, thì phải chuyển kinh phí từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ đó;

e) Ngoài việc bổ sung nguồn thu và ủy quyền thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại các điểm a, b và đ Khoản 2 Điều này, không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác, trừ các trường hợp quy định tại điểm g Khoản 2 Điều này.

g) Ủy ban nhân dân các cấp được sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ cho các đơn vị do cấp trên quản lý đóng trên địa bàn trong các trường hợp:

- Khi xảy ra thiên tai và các trường hợp cấp thiết khác mà địa phương cần khẩn trương huy động lực lượng để bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội;

- Các đơn vị do cấp trên quản lý khi thực hiện chức năng của mình, kết hợp thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu của cấp dưới.

* Điều 6. Phân cấp quản lý ngân sách nhà nước phải bảo đảm nguyên tắc :

1. Phù hợp với phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của Nhà nước và năng lực quản lý của mỗi cấp trên địa bàn;

2. Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương được phân định nguồn thu, nhiệm vụ chi cụ thể :

a) Ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chiến lược, quan trọng của quốc gia như : các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội có tác động đến cả nước hoặc nhiều địa phương, các chương trình, dự án quốc gia, các chính sách xã hội quan trọng, điều phối hoạt động kinh tế vĩ mô của đất nước, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hỗ trợ những địa phương chưa cân đối được thu, chi ngân sách;

b) Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu bảo đảm chủ động thực hiện những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trong phạm vi quản lý;

3. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, thời gian thực hiện phân cấp này phải phù hợp với thời kỳ ổn định ngân sách ở địa phương; cấp xã được tăng cường nguồn thu, phương tiện và cán bộ quản lý tài chính - ngân sách để quản lý tốt, có hiệu quả các nguồn lực tài chính trên địa bàn được phân cấp;

4. Kết thúc mỗi kỳ ổn định ngân sách, căn cứ vào khả năng nguồn thu và nhiệm vụ chi của từng cấp, theo thẩm quyền quy định tại các Điều 15, 16 và 25 của Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội, Hội đồng nhân dân điều chỉnh mức bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới; Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp."

Áp dụng nguyên tắc này tránh được việc bố trí các khoản chi chùng chéo, khó kiểm tra giám sát, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của các cấp.

f. Nguyên tắc thứ 6: Kết hợp chặt chẽ với khối lượng tiền tệ có mặt trong lưu thông và 1 số phạm trù giá trị khác.

Nguyên tắc này đòi hỏi khi bố trí một khoản chi của ngân sách nhà nước phải phân tích diễn biến của khối lượng tiền tệ, lãi suất, tỉ giá hối đoái trong các chu kỳ kinh doanh làm sao tạo nên một tổng lực để giải quyết các mục tiêu của kinh tế vĩ mô. Bởi lẽ các phạm trù giá trị ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế, nếu không kết hợp chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước với các phạm trù này có thể dẫn đến tình trạng thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước.

Tóm lại chi ngân sách là công cụ quan trọng không chỉ đáp ứng các khoản chi phí của nhà nước mà còn có ảnh hưởng to lớn đến điều tiết vĩ mô của nhà nước. Vì thế khi bố trí các khoản chi ngân sách nhà nước cần có sự cân nhắc kỹ lưỡng, nghiên cứu cẩn thận dựa trên các nguyên tắc vừa nêu trên.

2. Việc triển khai các nguyên tắc chi ngân sách nhà nước ở Việt Nam trong giai đoạn gần đây.

***Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm 2008:**

Bảng số liệu chi NSNN năm 2008;
Đơn vị : Tỷ đồng

STT	Nội dung chi	DT 2008	ƯTH 2008
A	B	1	2
A	Chi cân đối NSNN	398.980	474.280
I	Chi đầu tư phát triển	99.730	117.800
	Trong đó : Chi đầu tư xây dựng cơ bản	96.110	110.050
II	Chi trả nợ và viện trợ	51.200	51.200
1	Trả nợ trong nước	39.700	39.700
2	Trả nợ ngoài nước	10.700	10.700
3	Chi viện trợ	800	800
III	Chi thường xuyên	208.850	262.5800
1	Chi SN giáo dục – đào tạo	54.060	-
2	Chi y tế	16.643	-
3	Chi dân số KHH gia đình	615	-
4	Chi khoa học ,công nghệ	3.827	-
5	Chi văn hóa ,thông tin	2.440	-
6	Chi phát thanh ,công nghệ	3.827	-
7	Chi thể dục ,thể thao	880	-
8	Chi đảm bảo xã hội	35.793	-
9	Chi sự nghiệp kinh tế	15.622	-
10	Chi sự nghiệp môi trường	3.883	-
11	Chi quản lý HC,Đảng ,đoàn thể	28.438	-
12	Chi trợ giá mặt hàng chính sách	763	-
IV	Hỗ trợ tài chính kinh doanh xăng dầu	-	28.500
V	Chi dự phòng	10.700	-
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	100	100
VII	Chi cải cách tiền lương	28.400	-
VIII	Chi chuyển nguồn	-	14.100
B	Chi quản lý qua NSNN	47.698	31.059
C	Vay NN về cho vay lãi	12.800	12.425
	Tổng (A+B+C)	459.478	517.764

Qua bảng số liệu trên ta thấy : khoản chi từ NSNN ước thực hiện cả năm vượt 18,9% so với dự toán , tăng 23% so với thực hiện năm 2007 . Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển :ước thực hiện cả năm tăng 18.2% so với dự toán ,chiếm 24,7% tổng chi NSNN,tăng 5% so với thực hiện năm 2007

- Chi phát triển các sự nghiệp kinh tế - xã hội ,quốc phòng ,an ninh,quản lý hành chính chiếm tỷ trọng trong chi NSNN là lớn nhất (bao gồm cả chi tiêu điều chỉnh tiền lương theo mức lương tối thiểu 540.000 đ/tháng):dự toán 237.250 tỷ đồng ,ước thực hiện chi cả năm đạt 262.540 tỷ đồng, tăng 10,7% so với dự toán , tăng 23,6% so với thực hiện năm 2007

- Chi bù lỗ kinh doanh mặt hàng dầu nhập khẩu : với mục đích để thực hiện kiểm chế tốc độ tăng giá tiêu dùng. Chính phủ đã quyết định chậm điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu trong nước trong điều kiện giá dầu thế giới tăng cao, tiếp tục bù lỗ dầu phát sinh năm 2008

Qua bảng số liệu ta thấy :Chi đầu tư phát triển thực hiện tập trung chủ yếu cho việc thực hiện an sinh xã hội , tăng cường khả năng phòng ,chống và giảm nhẹ tác hại thiên tai.

Để đối phó với tình hình biến động của nền kinh tế thế giới và trong nước chính phủ đã điều chỉnh những nội dung khoản chi theo hướng sau:

- Chi đầu tư phát triển tập trung theo hướng bổ sung vốn cho các dự án đầu tư thuộc chương trình 135 và các dự án hỗ trợ phát triển vùng, tăng đầu tư cơ sở hạ tầng và xử lý nợ xây dựng đất và nguồn hưởng vượt thu của nguồn ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo chế độ , bố trí các khoản nợ , lãi đến hạn ,hỗ trợ sản xuất –kinh doanh và xuất khẩu ,bổ sung dự trữ quốc như:bổ sung vốn điều lệ cho ngân hàng chính sách xã hội để cho vay các đối tượng chính sách

- Thực hiện tiết kiệm thêm 10% dự án chi thường xuyên còn lại trong 8 tháng cuối năm 2008 của các Bộ,cơ quan trung ương và địa phương.Nguồn kinh phí tiết kiệm để bổ sung thực hiện các chính sách an sinh xã hội, phòng chống ,khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh

- Quản lý chi tiêu ngân sách đã được tăng cường nhưng vẫn còn tình trạng lãng phí ,kém hiệu quả ,một số nơi chưa thực sự quán triệt thực hiện triệt để tiết kiệm chi NSNN. Trong giai đoạn 2006-2008, phân bổ vốn các chương trình ,mục tiêu quốc gia còn nhiều tồn tại:Phân bổ sai nội dung ,mục tiêu ,đối tượng thụ hưởng các chương trình 146,89 tỷ đồng (chương trình 135 giai đoạn 2 là 26,268 tỷ đồng; các mục tiêu giáo dục ,đào tạo là 34,2 tỷ đồng chương trình mục tiêu nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 31,42 tỷ đồng; Đề án tin học quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005 là 55 tỷ đồng)

Theo báo cáo thẩm tra của ủy ban tài chính-Ngân sách của Quốc hội cũng chỉ ra rằng việc thực hiện dự toán chi ngân sách năm 2008 còn chưa nghiêm, hiệu quả chưa cao, tiết kiệm chưa triệt để. Chi đầu tư phát triển cả năm tăng so với dự toán và tăng so với tổng chi NSNN. Tuy nhiên , tình trạng chung đối với chi đầu tư là giải ngân chậm ,đầu tư dàn trải, phân giao vốn đầu tư không đúng quy định ,vi phạm trong đầu tư xây dựng cơ bản khá phổ biến ,hiệu quả đầu tư chưa cao... tỷ lệ giải ngân vốn xây dựng cơ bản chậm.

Theo báo cáo của Chính phủ , chi thường xuyên năm 2008 tăng 13.3% so với dự toán và tăng 26,6% so với năm 2007. Tuy nhiên , nhiều ý kiến trong ủy ban tài chính- Ngân sách cho rằng , trong điều kiện thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên

không triệt để, chi quản lý hành chính vẫn vượt dự toán. Công tác quản lý chi tiêu chưa chặt chẽ, thanh quyết toán chưa nghiêm, còn để xảy ra vi phạm, lãng phí, tiêu cực. Nhiều định mức chi tiêu đã lạc hậu nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung.

* Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2009:

Dự toán chi NSNN năm 2009 được xây dựng trên cơ sở cơ cấu lại chi ngân sách, hướng tới mục tiêu góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định vĩ mô, đảm bảo các nguyên tắc:

- Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đảm bảo kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội và điều chỉnh tiền lương, các khoản tăng chi theo tiền lương;
- Bố trí tăng chi dự phòng, dự trữ quốc gia để đảm bảo an ninh lương thực và chủ động phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; bố trí đảm bảo chi trả nợ theo đúng cam kết;
- Bố trí kinh phí cho các lĩnh vực giáo dục- đào tạo- dạy nghề, y tế, khoa học- công nghệ, văn hoá thông tin, bảo vệ môi trường, nông nghiệp- nông thôn,... theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội.
- Đáp ứng nhu cầu chi cho các nhiệm vụ khác trên tinh thần triệt để tiết kiệm; tiếp tục rà soát chặt chẽ chi đầu tư XDCB, bố trí dự toán chi thường xuyên cho các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương cơ bản không tăng so với năm 2008; giảm mức bội chi NSNN dưới 5% GDP.

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc nêu trên, dự toán chi NSNN năm 2009 là 491.300 tỷ đồng, tăng 23,1% so với dự toán năm 2008; số tăng chi này tập trung cho các nhiệm vụ như sau:

- Dự toán chi đầu tư phát triển: 112.800 tỷ đồng, tăng 13,1% so dự toán năm 2008, chiếm 23,0% tổng chi cân đối NSNN. Số tăng chi so với dự toán năm 2008 kiến nghị tập trung ưu tiên bố trí tăng ở mức cao để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng:

+ Tăng chi thực hiện chính sách an sinh xã hội như: Tăng chi cấp bù chênh lệch lãi suất tín dụng Nhà nước do thực hiện chính sách cho người nghèo, đồng bào dân tộc vay vốn phát triển sản xuất, cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay để học tập; bố trí vốn đầu tư thực hiện phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia; tăng kinh phí vốn đầu tư thực hiện Chương trình 135, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng; bổ sung vốn thực hiện chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn,...

+ Tăng chi bổ sung dự trữ quốc gia để đảm bảo dự trữ lương thực, tăng mức dự trữ xăng dầu, vật tư cứu hộ cứu nạn.

+ Tăng chi đầu tư phát triển cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo - dạy nghề, khoa học công nghệ, văn hoá thông tin, nông nghiệp - nông thôn...

Phát hành khoảng 36.000 tỷ đồng trái phiếu Chính phủ để thực hiện các dự án giao thông, thuỷ lợi và kiên cố hoá kết hợp chuẩn hóa trường lớp học, thực hiện đầu tư, nâng

cấp bệnh viện đa khoa huyện, đa khoa khu vực liên huyện, trạm y tế xã, bệnh viện lao, tâm thần, ung bướu, chuyên khoa nhi và một số bệnh viện đa khoa tỉnh thuộc vùng miền núi, khó khăn. Tính cả đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ và thu xổ số kiến thiết thì tổng chi đầu tư phát triển năm 2009 chiếm khoảng 29,1% tổng chi NSNN. Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, cùng với vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước sẽ góp phần đưa tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2009 đạt khoảng 39,5% GDP.

- Dự toán chi trả nợ, viện trợ: Bố trí 58.800 tỷ đồng, tăng 14,8% so dự toán 2008, chiếm 12,0% tổng chi ngân sách nhà nước đảm bảo trả các khoản nợ trong và ngoài nước đến hạn, chi viện trợ.

- Dự toán chi phát triển các sự nghiệp kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý hành chính: 269.300 tỷ đồng[2], tăng 28,9% so dự toán năm 2008, chiếm 54,8% tổng chi NSNN; kể cả chi điều chỉnh tiền lương trong năm 2009 thì chiếm 62,3% tổng chi NSNN. Số tăng chi so với dự toán năm 2008 kiến nghị tập trung ưu tiên bố trí tăng ở mức cao để thực hiện các nhiệm vụ quan trọng:

+ Tăng chi thực hiện chính sách an sinh xã hội như: Tăng kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ thuộc diện chính sách, hộ nghèo; hỗ trợ người nghèo tham gia bảo hiểm y tế; tăng kinh phí để thực hiện mở rộng đối tượng miễn giảm thuế lợi phí; hỗ trợ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách mới về an sinh xã hội theo các Quyết định số 24/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 25/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 26/2008/QĐ-TTg, Quyết định số 27/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010; bổ sung kinh phí thực hiện chế độ cán bộ xã; bổ sung kinh phí do thực hiện chính sách bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí; hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn,...

+ Tăng chi thường xuyên để đảm bảo tỷ trọng chi ngân sách cho các lĩnh vực theo các nghị quyết của Đảng và Quốc hội (lĩnh vực giáo dục - đào tạo - dạy nghề đạt 20%, lĩnh vực khoa học - công nghệ đạt 2%, lĩnh vực văn hoá thông tin đạt trên 1,5%, sự nghiệp bảo vệ môi trường trên 1% tổng chi NSNN), tăng chi lĩnh vực y tế, tăng chi thực hiện Đề án nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

+ Tăng chi cho các chương trình mục tiêu quốc gia và tăng kinh phí bố trí cho các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới tăng thêm của năm 2009.

Trên cơ sở đó định hướng phân bổ chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chủ yếu như sau: .

+ Dự toán chi sự nghiệp lĩnh vực giáo dục- đào tạo- dạy nghề: 67.330 tỷ đồng, tăng 10,1% so với dự toán năm 2008. Chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục - đào tạo (4.000 tỷ đồng, tăng 14,9%); củng cố, đẩy mạnh phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đảm bảo chất lượng phổ cập giáo dục thực chất; nâng cao năng lực của hệ thống quản lý giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục; phát triển mạng lưới trường, lớp; củng cố và tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; đẩy mạnh dạy nghề, đặc biệt cho các đối tượng nông dân theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (khoá X); ưu tiên mở rộng quy mô

chương trình định hướng nghề nghiệp - ứng dụng; mở rộng các chương trình giảng dạy theo chương trình tiên tiến và đào tạo theo tín chỉ; triển khai chương trình đào tạo 20.000 tiến sĩ; triển khai xây dựng 4 trường đại học đẳng cấp quốc tế: Đại học Việt Đức (TP Hồ Chí Minh), Đại học Khoa học công nghệ (Hà Nội), Đại học Đà Nẵng, Đại học Cần Thơ.

+ Dự toán chi lĩnh vực sự nghiệp y tế: 23.360 tỷ đồng, tăng 21,8% so với dự toán năm 2008. Cùng với chi đầu tư XD CB và chi điều chỉnh tiền lương, đảm bảo tổng dự toán chi NSNN cho lĩnh vực y tế tăng 28,9% so dự toán năm 2008, cao hơn so với tốc độ tăng chi chung của NSNN theo đúng Nghị quyết số 18/2008/QH12 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện chính sách, pháp luật xã hội hoá để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

+ Dự toán chi lĩnh vực khoa học và công nghệ: 4.390 tỷ đồng, tăng 12,9% so với dự toán năm 2008. Cùng với chi đầu tư XD CB và chi điều chỉnh tiền lương, đảm bảo tổng dự toán chi NSNN cho khoa học và công nghệ đạt mức 2% tổng chi NSNN, số kinh phí tăng thêm tập trung ưu tiên bố trí để đảm bảo thực hiện các chương trình khoa học - công nghệ trọng điểm cấp nhà nước; đề tài, dự án độc lập cấp nhà nước; dự án khoa học - công nghệ quy mô lớn; nghiên cứu cơ bản; chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi; hợp tác theo Nghị định thư; chi phát triển thị trường khoa học - công nghệ; các Trung tâm nghiên cứu khoa học lớn, các phòng thí nghiệm trọng điểm; triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Nghị quyết Trung ương 7 về phát triển tri thức,...

+ Dự toán chi lĩnh vực văn hoá - thông tin: 2.740 tỷ đồng, tăng 8,4% so với dự toán năm 2008. Cùng với chi đầu tư XD CB và chi điều chỉnh tiền lương, đảm bảo tổng dự toán chi NSNN cho lĩnh vực văn hoá đạt 1,62% tổng chi NSNN, để tập trung thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu: bố trí kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu văn hoá (210 tỷ đồng, tăng 16,7%), kinh phí hỗ trợ sáng tạo tác phẩm văn học nghệ thuật, báo chí chất lượng cao; kinh phí thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển văn hoá nghệ thuật trong thời kỳ mới, kinh phí tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, kinh phí trao giải thưởng; kinh phí hỗ trợ dự án điều tra, sưu tầm, biên soạn từ sách "Thăng Long ngàn năm văn hiến",...

+ Dự toán chi sự nghiệp phát thanh- truyền hình- thông tấn: 1.560 tỷ đồng, tăng 5,5% so với dự toán năm 2008. Đảm bảo hoạt động thường xuyên và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình,

+ Dự toán chi sự nghiệp thể dục thể thao: 1.320 tỷ đồng, tăng 47,3% so với dự toán năm 2008. Số tăng chi so năm 2008 tập trung để thực hiện một số nhiệm vụ lớn phát sinh mới năm 2009 như kinh phí tổ chức Đại hội thể thao Châu Á trong nhà AI Games 2009; kinh phí tham dự Seagames năm 2009 tại Lào của đoàn thể thao Việt Nam; kinh phí nâng mức tiền ăn cho vận động viên, huấn luyện viên thể dục thể thao; kinh phí dự kiến nâng chế độ cho một số giải thi đấu thể thao.

+ Dự toán chi lương hưu và đảm bảo xã hội: 51.931 tỷ đồng, tăng 19,2% so với dự toán năm 2008. Bố trí nhằm đảm bảo chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho các đối tượng do NSNN đảm bảo (25.910 tỷ đồng, tăng 13,3%); chi trợ cấp thường xuyên cho thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng (15.630 tỷ đồng, tăng 15,4%); chi trả một lần cho thân nhân người có công với cách mạng đã chết trước 19/8/1945; chi cho công tác tìm kiếm quy tập mộ liệt sỹ; bố trí kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu phòng chống ma tuý (280 tỷ đồng, tăng 40%), Chương trình phòng chống tội phạm (80 tỷ đồng, tăng 11,1%), chi phòng chống các tệ nạn xã hội (phòng chống mại

dâm, phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ trẻ em qua biên giới); chi mua bảo hiểm y tế cho thân nhân của cán bộ, sỹ quan, chiến sỹ phục vụ trong lực lượng vũ trang; chi thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác,...

+ Dự toán chi lĩnh vực sự nghiệp kinh tế: 22.230 tỷ đồng, tăng 39,8% so với dự toán năm 2008. Ưu tiên bố trí chi thực hiện các nhiệm vụ đặc thù 7.441 tỷ đồng; hỗ trợ địa phương do thực hiện bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí; hỗ trợ thực hiện phát triển kinh tế - xã hội các xã biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia; đảm bảo kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ, dự án quan trọng như: Đề án ổn định quy hoạch lại dân cư (150 tỷ đồng); kinh phí thực hiện phân giới cắm mốc biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia (400 tỷ đồng); kinh phí thực hiện một số dự án thuộc Chương trình 135, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và Chương trình việc làm (657 tỷ đồng); Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (25 tỷ đồng); Chương trình quốc gia về bảo hộ lao động; bố trí kinh phí chi thực hiện phòng chống dịch bệnh ở vật nuôi (160 tỷ đồng); kinh phí sự nghiệp thực hiện kế hoạch lập lại trật tự hành lang an toàn giao thông,...; Đối với chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tập trung ưu tiên bố trí tăng kinh phí khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công tăng cường công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư; tăng chi duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng quan trọng: đê điều, cầu cống, công trình thủy lợi, giao thông; thực hiện các nhiệm vụ đề án quan trọng về quản lý đất đai; bổ sung kinh phí thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản phục vụ quy hoạch và quản lý ngành, lĩnh vực. Đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên khác của các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương cơ bản giữ bằng mức dự toán năm 2008.

+ Dự toán chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 5.150 tỷ đồng, tăng 32,6% so với dự toán năm 2008 và chiếm trên 1% tổng chi NSNN để thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm theo quy định của Luật bảo vệ môi trường và Nghị quyết số 41/NQ-TW của Bộ Chính trị; triển khai Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ cho hoạt động bảo vệ môi trường; kinh phí hỗ trợ các Bộ, ngành, địa phương xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường thuộc khu vực công ích, Kế hoạch quốc gia kiểm soát ô nhiễm môi trường đến năm 2010; chi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (97 tỷ đồng); chi thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo thuộc các xã 135 di dời nhà vệ sinh, chuồng trại (50 tỷ đồng); Chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu; bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (100 tỷ đồng); triển khai thực hiện bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan các lưu vực sông; đảm bảo hoạt động quan trắc và phân tích môi trường.

+ Dự toán chi quản lý hành chính: 33.629 tỷ đồng, tăng 8,6% so với dự toán năm 2008. Đảm bảo kinh phí thực hiện các nhiệm vụ mới: Kinh phí thực hiện Tổng điều tra dân số; kinh phí thực hiện lộ trình cải cách tư pháp và các hoạt động tăng thêm của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; kinh phí thành lập mới và hoạt động tăng thêm của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; kinh phí hoạt động đối ngoại, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và đoàn ra hội nhập quốc tế; Đại hội của một số đoàn thể và kinh phí tổ chức Diễn đàn Du lịch ASEAN; tăng chi do biên chế tăng thêm của các Bộ, cơ quan trung ương; kinh phí đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế; tăng chi hỗ trợ nhân sỹ và tổ chức tôn giáo,...Số kinh phí bố trí cho hoạt động thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung ương cơ bản bằng dự toán năm 2008.

+ Dự toán chi trợ giá các mặt hàng chính sách: 930 tỷ đồng, tăng 21,9% so với dự toán năm 2008. Bố trí đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách cấp không thu tiền một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; bổ sung kinh phí để bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thực hiện thay đổi phương thức trợ cước, trợ giá đối với đồng bào dân tộc thiểu số nghèo ở các vùng đặc biệt khó khăn.

Đối với chi thường xuyên, các đơn vị có nguồn thu sự nghiệp, thu phí dịch vụ phải phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu phí của mình, để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị hoạt động chủ yếu bằng nguồn NSNN đảm bảo.

- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 135, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng: Bố trí kinh phí để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (9.168 tỷ đồng) đảm bảo cho các dự án, hoạt động của các chương trình mục tiêu quốc gia đã được phê duyệt. Bố trí kinh phí thực hiện chương trình 135 (3.284 tỷ đồng) cho các dự án, chính sách được thực hiện trên địa bàn các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định. Bố trí vốn thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng (1.000 tỷ đồng) căn cứ các nhiệm vụ và mức chi điều chỉnh theo Nghị quyết số 73/2006/QH11 của Quốc hội.

- Dự toán chi thực hiện điều chỉnh tiền lương: 36.600 tỷ đồng, chiếm 7,4% tổng chi ngân sách nhà nước.

- Dự toán chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương: 100 tỷ đồng.

- Dự phòng NSNN: Bố trí 13.700 tỷ đồng, bằng 2,8% tổng chi ngân sách nhà nước.

III. Kết luận.

Ngân sách nhà nước là công cụ điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế xã hội, định hướng phát triển sản xuất, điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, điều chỉnh đời sống xã hội. Thông qua hoạt động chi Ngân sách, Nhà nước sẽ cung cấp kinh phí đầu tư cho cơ sở kết cấu hạ tầng, hình thành các doanh nghiệp thuộc các ngành then chốt trên cơ sở đó tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho sự ra đời và phát triển các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Bên cạnh đó, việc cấp vốn hình thành các doanh nghiệp Nhà nước là một trong những biện pháp căn bản để chống độc quyền và giữ cho thị trường khỏi rơi vào tình trạng cạnh tranh không hoàn hảo. Và trong những điều kiện cụ thể, nguồn kinh phí trong ngân sách cũng có thể được sử dụng để hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp, đảm bảo tính ổn định về cơ cấu hoặc chuẩn bị cho việc chuyển sang cơ cấu mới hợp lý hơn.

Việc thực hiện chi ngân sách như thế nào để đúng mục đích, không gây lãng phí mà mang lại hiệu quả thực sự cũng là một vấn đề quan trọng. Các **nguyên tắc tổ**

chức chi ngân sách nhà nước ra đời đã cơ bản giải quyết được vấn đề trên. Việc chi tiêu của nhà nước đảm bảo đúng nguyên tắc đòi hỏi các tổ chức, các đơn vị sử dụng nguồn kinh phí hay nguồn vốn của ngân sách nhà nước cấp phát nâng cao tinh thần trách nhiệm sử dụng một cách có hiệu quả, đảm bảo được tính mục đích và khả năng và tiết kiệm nhất các khoản chi của ngân sách, tránh được việc bố trí các khoản chi chồng chéo, khó kiểm tra giám sát, nâng cao tính chủ động của các cấp. Bên cạnh đó việc thực hiện đúng nguyên tắc không những giảm nhẹ các khoản chi tiêu ngân sách nhà nước mà còn nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi công dân trong xã hội, đảm bảo được yêu cầu kiểm soát của quần chúng trong chi tiêu của ngân sách nhà nước.

Việc thực hiện tốt các nguyên tắc này sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển, tránh thất thoát nguồn ngân sách, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế, chính trị... phát huy được thế mạnh tiềm năng của đất nước, tránh được tình trạng bội chi ngân sách quá lớn và sẽ dẫn đến khả năng bùng nổ lạm phát về kinh tế.